

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2025/HNGĐ-ST.

Ngày 24 - 6 - 2025.

V/v “*Kiên xin ly hôn, nuôi con chung*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyên.

Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Phương và bà Nguyễn Thị Chương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Nhung - Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2024 và thụ lý yêu cầu phản tố số 81B/2024/TLST-HNGĐ ngày 16/12/2024, về tranh chấp “*Kiên xin ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ông Đỗ Trọng V, sinh năm 1974.

Nơi ĐKKHKT: thôn TT, xã LC, huyện TL, tỉnh Hà Nam.

Địa chỉ: số nhà 406, đường LL, tổ MT, phường LC, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

* **Bị đơn:** Bà Trần Thị Thanh X, sinh năm 1976.

Nơi ĐKKHKT: tổ 9B, phường CC, thành phố PL, tỉnh Hà Nam; địa chỉ: ngõ 68, đường NSL, phường LC, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Nơi làm việc: Phòng Quản lý chất lượng công tác xã hội - Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Nam.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị Thanh X là bà Nguyễn Thị Thu Lan - Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Phúc Thọ; địa chỉ: số 23 Hồ Đắc Di, phường Nam Đồng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

+ Ủy ban nhân dân xã Liêm Càn, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

Địa chỉ trụ sở: xã Liêm Càn, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hà Đức T - Chức vụ: Quyền Chủ tịch UBND xã.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1983; Công chức Tư pháp - Hộ tịch xã Liêm Càn.

+ Ông Đỗ Minh B, sinh năm 1945.

Nơi ĐKKHKT: thôn TT, xã LC, huyện TL, tỉnh Hà Nam.

Địa chỉ: Số nhà 2, ngõ 16, đường PNT, phường CC, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

+ Anh Phạm Văn T, sinh năm 1985.

+ Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: tổ dân phố VLT, phường TL, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

(Phiên tòa có mặt ông V, bà X, bà Lan; vắng mặt ông T, ông B, anh T, chị T).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, các bản tự khai của các đương sự, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình giải quyết, xét xử thì nội dung vụ án như sau:

1. Về hôn nhân: Ông Đỗ Trọng V và bà Trần Thị Thanh X đã tự nguyện tổ chức cưới hỏi và về chung sống với nhau từ năm 1997. Tuy nhiên, vào thời điểm năm 1997 do điều kiện khách quan ông bà chưa đăng ký kết hôn nên đến ngày 06/3/2013 ông bà đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Liêm Cần, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà tiếp tục chung sống đến năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn và căng thẳng nên ông bà đã sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân chính do hai bên không còn phù hợp với nhau về quan điểm sống và cách sống, nên vợ chồng không thể có tiếng nói chung. Trong thời gian sống ly thân hai bên không quan tâm đến cuộc sống của nhau và chấm dứt quan hệ vợ chồng từ đó bà X đã chuyển đi khỏi nhà thuê trọ ở nên tình cảm ông bà dành cho nhau không còn nữa. Do đó, ông V đã làm đơn khởi kiện xin ly hôn bà X. Trước yêu cầu xin ly hôn của ông V, tại đơn phản tố ngày 13/11/2024, bà X đề nghị Huỷ việc kết hôn trái pháp luật giữa bà và ông V. Tuy nhiên, tại đơn xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố bà X xin rút yêu cầu Huỷ việc kết hôn trái pháp luật. Đến nay, cả ông V và bà X đều xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà đã quá trầm trọng không thể duy trì mối quan hệ hôn nhân với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông V xin ly hôn bà X và bà X cũng nhất trí thuận tình ly hôn với ông V.

* Quan điểm của Ủy ban nhân dân xã Liêm Cần trước yêu cầu phản tố đề nghị Huỷ việc kết hôn trái pháp luật của bà X, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. Về con chung: Ông V và bà X thống nhất xác định vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Thu H, sinh ngày 06/11/1998 (con gái) đã trưởng thành nên ông bà không đề nghị giải quyết và cháu Đỗ Quang H, sinh ngày 05/9/2007 (con trai). Khi ly hôn, cả ông V, bà X đều xin được nuôi dưỡng cháu Đỗ Quang H và không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Con nuôi, con riêng: Bà X, ông V thống nhất không có. Hiện bà X không có thai nghén gì.

* Quan điểm của cháu Đỗ Quang H: Tại bản tự khai cháu H có nguyện vọng, khi bố mẹ cháu ly hôn cháu xin được ở với bố là ông Đỗ Trọng V.

* Quan điểm của đại diện tổ 9, phường Châu Cầu, thành phố Phủ Lý: Đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung, chia tài sản chung của ông V, bà X theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản:

* *Quan điểm của ông Đỗ Trọng V:* Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, ông V cho rằng trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng ông có tài sản chung là: Thửa đất số 5, tờ bản đồ số PL6 (nay là tờ bản đồ số 27 bản đồ phường Tân Liêm), diện tích 84m²; tại địa chỉ: tổ dân phố Văn Lâm Trại, phường Tân Liêm, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, đã được Ủy ban nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 802732 ngày 22/6/2006 mang tên hộ ông Đỗ Trọng V và bà Trần Thị Thanh X. Trên đất không có xây dựng công trình gì cả. Ở phía trước thửa đất vợ chồng ông có xây 01 căn nhà cấp 4 diện tích khoảng 54m² tường xây gạch đỏ, mái lợp Proximăng hiện đang cho vợ chồng anh Phạm Văn T, chị Nguyễn Thị T thuê để ở và kinh doanh. Khi ly hôn ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, ông xin sử dụng thửa đất trên và ông sẽ có trách nhiệm trả chênh lệch bằng tiền cho bà X. Ngoài ra, vợ chồng ông không có tài sản chung nào khác; tài sản riêng không có.

* *Quan điểm của bà Trần Thị Thanh X:* Tại đơn phản tố và quá trình giải quyết vụ án, bà X cho rằng vợ chồng có những tài sản chung là:

- Thửa đất số 5, tờ bản đồ số PL6 (nay là tờ bản đồ số 27 bản đồ phường Tân Liêm), diện tích 84m²; tại địa chỉ: tổ dân phố Văn Lâm Trại, phường Tân Liêm, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam như ông V đã kê khai và đề nghị giải quyết.

- Thửa đất số 79, tờ bản đồ số 8, diện tích 72,8m²; tại địa chỉ: số nhà 2, ngõ 16, Phạm Ngọc Thạch, tổ 9B, phường Châu Cầu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam do vợ chồng bà mua năm 2009, trên thửa đất có xây nhà cấp 4. Năm 2013 đã đập ra xây được nhà 01 tầng và năm 2018 đã sửa chữa, nâng cấp lên tầng 2, tầng 3 và hoàn thiện là nhà xây 3 tầng. Quá trình giải quyết vụ án, bà mới biết được là ông V đã chuyển sang tên ông V và sau đó tặng cho bố đẻ ông V là ông Đỗ Minh B. Do đó, bà X đề nghị Huỷ văn bản thoả thuận phân chia tài sản chung vợ chồng giữa ông V và bà ngày 05/4/2013 lập tại Văn phòng công chứng Kim Thanh (nay là Văn phòng công chứng Vũ Hằng); Huỷ hợp đồng tặng cho Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 24/5/2023 giữa ông V và ông Đỗ Minh B tại Văn phòng công chứng Vũ Hằng; Huỷ giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cấp ngày 06/6/2023 mang tên ông Đỗ Minh B đối với thửa đất trên. Bà đề nghị xác định thửa đất số 79, tờ bản đồ số 8, diện tích 72,8m²; tại địa chỉ: số nhà 2, ngõ 16, Phạm Ngọc Thạch, tổ 9B, phường Châu Cầu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam và tài sản gắn liền với đất là tài sản chung của vợ chồng.

* *Quan điểm của ông Đỗ Minh B:* Về nguồn tiền mua nhà đất và cải tạo ngôi nhà tại Thửa đất số 79, tờ bản đồ số 8, diện tích 72,8m²; tại địa chỉ: số nhà 2, ngõ 16, Phạm Ngọc Thạch, tổ 9B, phường Châu Cầu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam là tiền của ông nhờ vợ chồng anh V, chị X mua hộ. Đến năm 2023, ông yêu cầu anh V trả lại nhà đất cho ông. Hiện nay, ông đang quản lý, sử dụng. Do đó, chị X đề nghị Huỷ các văn bản công chứng là Văn bản thoả thuận chia tài sản chung vợ chồng ngày 05/4/2013; Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa anh V và ông; Huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông ngày 06/6/2023 ông không đồng ý.

* *Quan điểm của anh Phạm Văn T, chị Nguyễn Thị T:* Năm 2014 vợ chồng anh chị có thuê ngôi nhà của ông V, bà X xây trước thửa đất số 5, tờ bản đồ số PL6

(nay là tờ bản đồ số 27 bản đồ phường Tân Liêm), diện tích 84m²; tại địa chỉ: tổ dân phố Văn Lâm Trại, phường Tân Liêm, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam để ở và mở cửa hàng kinh doanh. Tiền thuê nhà hàng tháng thì vợ chồng anh chị vẫn trả cho ông V. Do đó, anh chị đề nghị giải quyết theo pháp luật.

* Ngày 02/4/2025 và ngày 03/4/2025, Hội đồng định giá tài sản thành phố Phủ Lý đã tiến hành định giá tài sản đang có tranh chấp giữa ông V, bà X, kết quả như sau:

- Thừa đất số 79, tờ bản đồ số 8, diện tích 72,8m², tại địa chỉ: tổ 9, phường Minh Khai (nay là tổ 9B, phường Châu Cầu), thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, có giá trị là: 960.960.000đ. Tài sản trên đất: 01 Nhà mái bằng 3 tầng, móng bê tông cốt thép, khung cột thép, tường xây gạch đỏ 220, cửa gỗ và cửa nhôm kính, nền lát gạch hoa liên doanh, cầu thang bản bậc đá xẻ, tay vịn gỗ, công trình phụ khép kín, cao 3,7 m = 796.846.000đ (Bảy trăm chín mươi sáu triệu, tám trăm bốn mươi sáu nghìn đồng). Đồ dùng gia dụng trong gia đình = 12.300.000đ (Mười hai triệu, ba trăm nghìn đồng).

Tổng giá trị đất, tài sản trên đất, đồ dùng gia dụng trong gia đình là: 960.960.000đ + 796.846.000đ + 12.300.000đ = 1.770.106.000đ (Một tỷ, bảy trăm bảy mươi triệu, một trăm linh sáu nghìn đồng).

- Thừa đất số 5, tờ bản đồ số PL6 (nay là tờ bản đồ số 27), diện tích 84m², tại địa chỉ: thôn Văn Lâm 2, xã Liêm Tiết, huyện Thanh Liêm (nay là thôn Văn Lâm Trại, phường Tân Liêm, thành phố Phủ Lý), tỉnh Hà Nam, có tổng giá trị thừa đất là: 504.000.000đ (Năm trăm linh bốn triệu đồng).

4. Về công nợ: Ông V, bà X thống nhất không có, không đề nghị giải quyết.

Ngày 17/6/2025, Ông V có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông về chia tài sản chung đối với thừa đất số 5, tờ bản đồ số PL6 (nay là tờ bản đồ số 27), diện tích 84m², tại địa chỉ: thôn Văn Lâm 2, xã Liêm Tiết, huyện Thanh Liêm (nay là thôn Văn Lâm Trại, phường Tân Liêm, thành phố Phủ Lý), tỉnh Hà Nam.

Ngày 18/6/2025, Bà X có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố.

Ngày 23/6/2025, ông B có đơn xin xét xử vắng mặt và có ý kiến đối với thừa đất số 79, tờ bản đồ số 8, diện tích 72,8m² và ngôi nhà 03 tầng xây trên thừa đất tại địa chỉ: tổ 9, phường Minh Khai (nay là tổ 9B, phường Châu Cầu), thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam: Nay vợ chồng anh V, chị X đã thỏa thuận với nhau về phân chia tài sản và chị X có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố đối với thừa đất trên nên ông nhất trí và không có ý kiến gì khác.

* Tại phiên tòa.

- Ông V trình bày: Ông xin được ly hôn với bà X; về con chung: Ông xin nuôi cháu Đỗ Quang Huy và ông không yêu cầu bà X cấp dưỡng nuôi con cùng ông. Các vấn đề khác ông không đề nghị giải quyết.

- Bà X trình bày: Bà nhất trí thuận tình ly hôn với ông V; về con chung: Bà xin nuôi cháu Đỗ Quang Huy và bà không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con cùng bà. Các vấn đề khác bà không đề nghị giải quyết.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Ông V và bà X có hai con chung, cháu Đỗ Thu Hương đã trưởng thành trên 18 tuổi, còn cháu

Đỗ Quang Huy sinh 05/9/2007 đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo nguyện vọng của bà X.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Áp dụng các Điều 28; 35; 39; 68; 144; 147; 217; 244; 227; 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51; 54; 55; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Trọng V.

Đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Trọng V về việc giải quyết tài sản chung của vợ chồng.

Đình chỉ việc giải quyết đối với toàn bộ yêu cầu phản tố của bà Trần Thị Thanh X.

- Về hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Đỗ Trọng V và bà Trần Thị Thanh X.

- Về con chung: Giao ông V được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đỗ Quang H cho đến khi cháu H trưởng thành đủ 18 tuổi và bà X không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về án phí ly hôn: Các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Trần Thị Thanh X có hộ khẩu thường trú tại tổ 9B, phường Châu Cầu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam và bà X đang ở ngõ 68, đường Ngô Sĩ Liên, phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án “kiện ly hôn, nuôi con chung” giữa ông Đỗ Trọng V và bà Trần Thị Thanh X thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về việc xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng: Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có đơn xin vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt họ tại phiên tòa được thực hiện theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về việc rút yêu cầu của đương sự: Nguyên đơn ông Đỗ Trọng V rút một phần yêu cầu khởi kiện về giải quyết tài sản chung, bị đơn bà Trần Thị Thanh X rút toàn bộ yêu cầu phản tố. Xét thấy việc rút yêu cầu của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật. Tại phiên tòa, bà X nhất trí với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông V về chia tài sản chung, ông V cũng nhất trí với việc rút toàn bộ yêu cầu phản tố của bà X. Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút yêu cầu của các đương sự và đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với phần các đương sự đã rút yêu cầu theo quy định tại Điều 217; Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa ông Đỗ Trọng V và bà Trần Thị Thanh X là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn vào ngày 06/3/2013 tại UBND xã Liêm Cần, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, nên đã thỏa mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Sau tổ chức cưới hỏi, chung sống và đăng ký kết hôn vợ chồng ông bà cũng đã có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cách sống, quan điểm sống của hai bên không còn hợp nhau, vợ chồng hay cãi chửi nhau, nhiều lần mâu thuẫn căng thẳng có xô sát. Từ năm 2019 đến nay vợ chồng đã sống ly thân nhau, thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm chăm sóc đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Thực tế cho thấy ông V xin ly hôn, bà X cũng đồng ý ly hôn càng chứng tỏ ông bà không còn tình cảm với nhau và không muốn duy trì mối quan hệ hôn nhân với nhau nữa. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn giữa ông V và bà X là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử xử công nhận sự thuận tình ly hôn như nguyện vọng của ông V, bà X.

[5] Về con chung: Ông V bà X có 02 con chung là Đỗ Thu H, sinh ngày 06/11/1998 (con gái) và cháu Đỗ Quang H, sinh ngày 05/9/2007 (con trai). Hiện nay, con chung Đỗ Thu H đã trưởng thành, lao động, tự lập được nên ông V và bà X không đề nghị giải quyết. Còn cháu Đỗ Quang H cả ông V và bà X đều xin được nuôi dưỡng cháu Đỗ Quang H và không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu xin nuôi con chung của ông V, bà X, Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyên vọng xin nuôi con chung của ông bà đều là chính đáng. Tuy nhiên xét điều kiện mọi mặt về kinh tế, chăm sóc, nuôi dạy của đôi bên sau khi ly hôn thì thấy, ông V, bà X đều có thu nhập và có điều kiện kinh tế ngang nhau. Nguyên vọng của cháu H muốn ở với ông V nên để ổn định cuộc sống và đảm bảo quyền lợi của con chung cần giao cho ông Đỗ Trọng V nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đỗ Quang H. Bà X không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp thực tế và pháp luật theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Con nuôi, con riêng: Vợ chồng thống nhất không có. Hiện nay bà X không có thai nghén gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Do ngày 17/6/2025 ông V có đơn xin rút một phần yêu cầu về chia tài sản chung. Ngày 18/6/2025 bà X có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố về chia tài sản chung. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về công nợ: Ông V, bà X đều xác định không có công nợ chung, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[8] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

- Đối với thửa đất số 79, tờ bản đồ số 8, diện tích 72,8m²; tại địa chỉ: số nhà 2, ngõ 16, Phạm Ngọc Thạch, tổ 9B, phường Châu Cầu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, tổng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản hết 6.000.000 đồng. Toàn bộ chi phí này do bà X đã nộp.

- Đối với thửa đất số 5, tờ bản đồ số PL6 (nay là tờ bản đồ số 27), diện tích 84m², tại địa chỉ: thôn Văn Lâm 2, xã Liêm Tiết, huyện Thanh Liêm (nay là thôn Văn Lâm Trại, phường Tân Liêm, thành phố Phủ Lý), tỉnh Hà Nam. Tổng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản hết 8.000.000 đồng. Toàn bộ chi phí này do ông V đã nộp.

Tại phiên tòa, ông V, bà X tự nguyện thỏa thuận mỗi người tự nộp số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản như đã nộp tại Tòa. Do vậy, ông V và bà X không phải thanh toán cho nhau tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

[9] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông V, bà X mỗi người phải nộp 75.000 đồng. Ông V và bà X được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 217; Điều 244; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 51; 54; 55; 58; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Trọng V.

2. Đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Trọng V về yêu cầu chia tài sản chung.

3. Đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với toàn bộ yêu cầu phản tố của bà Trần Thị Thanh X.

4. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Đỗ Trọng V và bà Trần Thị Thanh X.

5. Về con chung: Giao ông Đỗ Trọng V được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là cháu Đỗ Quang H, sinh ngày

05/9/2007 (con trai) cho đến khi cháu Đỗ Quang H trưởng thành đủ 18 tuổi. Bà Trần Thị Thanh X không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ông Đỗ Trọng V.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

6. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Đỗ Trọng V tự nộp 8.000.000đ (tám triệu đồng), bà Trần Thị Thanh X tự nộp 6.000.000đ (sáu triệu đồng). Ông Đỗ Trọng V và Bà Trần Thị Thanh X đã nộp đủ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

7. Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Đỗ Trọng V và bà Trần Thị Thanh X mỗi người phải nộp 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng).

Ông Đỗ Trọng V được đối trừ với số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000493 ngày 25/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam mà ông đã nộp là 5.300.000đ. Ông V được nhận lại 5.225.000đ (năm triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Bà X được đối trừ với số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000547 ngày 16/12/2024 mà bà đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam là 14.850.000đ. Bà X được nhận lại 14.775.000đ (mười bốn triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

8. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THA Dân sự TP Phủ Lý;
- UBND xã Liêm cần, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuyên

